

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2023/DS-ST**

Ngày: 19/5/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng;
Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Thanh Bình

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Hà Văn Châu

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát Viên.

Trong các ngày 24 tháng 4, ngày 15 và ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T

Địa chỉ: số , đường Đ, phường x, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số 34/2023/GUQ-PL&TT ngày 20/4/2023): ông Lê Minh T, sinh năm 1986 - Chức vụ: Trưởng bộ phận khai thác tài sản và quản lý tài sản Vietbank ABC; Địa chỉ: số , đường T, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt lúc tuyên án)

- *Bị đơn:* bà Lê Thị A (vắng mặt) - anh Châu Đăng Kh (vắng mặt)

Địa chỉ: số , đường H, khóm x, phường y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2022 và các lời khai tại Toà án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức M trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (sau đây viết tắt là V) đã ký kết với anh Kh, bà A: Hợp đồng tín dụng số CNST.CN.01190220 ngày 19/02/2020 với số tiền vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất vay: 10.25%/năm, từ tháng thứ 07 từ ngày giải ngân, lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 4,25%/năm; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Hợp đồng mở thẻ tín dụng số STR/20/003 ngày 21/02/2020 tên chủ thẻ Lê Thị A, hạn mức 80.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày phát hành thẻ.

Tài sản đảm bảo cho vay là quyền sử dụng đất tại thửa số 85, tờ bản đồ số 7 tọa lạc Khóm 6, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 282470 số vào sổ cấp GCN: CH00294 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp ngày 02/12/2010 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của anh Châu Đăng Kh và bà Lê Thị A; đã thế chấp cho V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CNST.HĐTC.01190220 ngày 19/02/2020, được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Dũng, Sóc Trăng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh Châu Đăng Kh, bà Lê Thị A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. V đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh Kh, bà A trả nợ nhưng anh Kh, bà A không thực hiện, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay V yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc anh Châu Đăng Kh, bà Lê Thị A thanh toán cho V các khoản nợ tính đến ngày 15/5/2023, cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần: nợ gốc 363.993.918 đồng, lãi trong hạn 147.528.693 đồng, lãi quá hạn 88.779.154 đồng và phạt chậm trả lãi 25.374.639 đồng. Tổng cộng 625.676.441 đồng.

+ Đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: nợ gốc 79.471.129 đồng, lãi phát sinh 29.693.897 đồng, phí chậm trả 184.682.794 đồng. Tổng cộng 293.847.820 đồng.

Kể từ ngày 16/5/2023 anh Kh, bà A tiếp tục phải trả nợ và chịu lãi suất quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ tại V.

- Trường hợp, anh Kh, bà A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Vietbank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi

tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa số 85, tờ bản đồ số 7 tọa lạc Khóm 6, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 282470 số vào sổ cấp GCN: CH00294 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp ngày 02/12/2010 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của anh Châu Đăng Kh và bà Lê Thị A.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

+ Đối với các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vì bị đơn vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt các phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần: buộc anh Kh, bà A trả cho nguyên đơn nợ gốc 363.993.918 đồng, lãi trong hạn 147.528.693 đồng, lãi quá hạn 88.779.154 đồng và phạt chậm trả lãi 25.374.639 đồng. Tổng cộng 625.676.441 đồng.

+ Đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ buộc bà A trả cho nguyên đơn số nợ gốc 79.471.129 đồng và lãi phát sinh 29.693.897 đồng; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Kh, bà A trả phí chậm trả 184.682.794 đồng.

+ Trường hợp anh Kh, bà A không có khả năng thanh toán các khoản nợ thì Vietbank có quyền yêu cầu có quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số CNST.CN.01190220 ngày 19/02/2020; Hợp đồng phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng ngày 21/02/2020. Do bị đơn thực hiện không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Lê Thị A, anh Châu Đăng Kh có địa chỉ thường trú tại thành phố Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số CNST.CN.01190220 ngày 19/02/2020: thấy rằng, theo Giấy nhận nợ số CNST.CN.01190220 ngày 19/02/2020: Số tiền vay: 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 120 tháng; trả vốn, lãi hàng tháng 01 lần, nhưng bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 của Hợp đồng tín dụng và mục 11 của Giấy nhận nợ mà hai bên đã ký kết. Theo Giấy nhận nợ thể hiện vào ngày 21/02/2020 bà A, anh Kh có nhận vay tiền của nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn thừa nhận bà A, anh Kh đã thanh toán cho nguyên đơn được số nợ gốc đến ngày 01/9/2020 được 36.006.082 đồng thì không trả nữa. Tính đến ngày 15/5/2023 bà A, anh Kh còn nợ gốc là 363.993.918 đồng.

[5.1.1] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: theo Giấy nhận nợ thì hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 10,25%/năm từ tháng thứ 7 từ ngày giải ngân, lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức: lãi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm dành cho khách hàng cá nhân kỳ 13 tháng cộng biên độ 4,25%/năm và quá hạn là 150% lãi trong hạn và phạt lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tính đến ngày 15/5/2023 thì bà A, anh Kh còn nợ lãi của nguyên đơn: lãi trong hạn 147.528.693 đồng, lãi quá hạn 88.779.154 đồng và phạt chậm trả lãi 25.374.639 đồng.

[5.1.2] Thấy rằng, từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Kh, bà A có nội dung thể hiện rõ số tiền gốc, lãi anh Khoa, bà Ái còn nợ của nguyên đơn nhưng đến nay anh Kh, bà A không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh Kh, bà A đã thừa nhận số nợ này đối với nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Kh, bà A có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc

363.993.918 đồng, lãi trong hạn 147.528.693 đồng, lãi quá hạn 88.779.154 đồng và phạt chậm trả lãi 25.374.639 đồng. Tổng cộng 625.676.441 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số STR/20/003 ngày 21/02/2020 tên chủ thẻ Lê Thị A, hạn mức 80.000.000 đồng: nhận thấy, sau khi phát hành thẻ thì bà A có tiến hành rút tiền mặt và mua đồ qua thẻ đã sử dụng hết hạn mức 80.000.000 đồng trong tháng 02/2020. Theo như nguyên đơn thừa nhận, vào tháng 3/2020 bà A có trả được 528.871 đồng nợ gốc. Tính đến ngày 15/5/2023 bà A còn nợ lại số nợ gốc là 79.471.129 đồng.

[5.2.1] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: theo Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ thì hai bên có thỏa thuận lãi suất. Mặc dù hai bên không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể nhưng thấy rằng nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất trong hạn là 16%/năm (từ dư nợ đầu kỳ tháng 3/2021 đến tháng 02/2023) và lãi suất 22%/năm (từ dư nợ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tính đến ngày 15/5/2023 thì tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc 79.471.129 đồng là 29.693.897 đồng.

[5.2.2] Xét yêu cầu trả phí của nguyên đơn: tại phiên tòa phía nguyên đơn chưa đưa ra được căn cứ, quy định về thu phí chậm thanh toán (4% số tiền thanh toán) theo phương thức cộng dồn. Hơn nữa, tại Điều 28 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì các bên không có thể hiện cách tính phí chậm trả theo như nguyên đơn yêu cầu. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu anh Kh, bà A trả phí chậm thanh toán (4% số tiền thanh toán) theo phương thức cộng dồn từ dư nợ đầu kỳ tháng 3/2021 đến dư nợ đầu kỳ tháng 5/2023 với số tiền 184.682.794 đồng là không cơ sở chấp nhận.

[5.2.3] Theo giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì chủ thẻ là bà Lê Thị A, anh Châu Đăng Kh không phải là chủ thẻ và anh Kh ký với tư cách bảo đảm, có nghĩa là dùng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bà A, chứ không phải anh Kh có nghĩa vụ trả nợ. Cho nên, việc nguyên đơn yêu cầu anh Kh có trách nhiệm cùng với bà A trả số nợ gốc và lãi đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của bà A là không có cơ sở chấp nhận.

[5.2.4] Từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bà A có nội dung thể hiện rõ số tiền gốc, lãi bà A còn nợ của nguyên đơn nhưng đến nay bà A không có ý kiến phản đối gì. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà A có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc 79.471.129 đồng, lãi 29.693.897 đồng đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét hợp đồng thế chấp: thấy rằng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CNST.HĐTC.01190220 ngày 19/02/2020 giữa nguyên đơn với bị đơn được hai bên lập thành văn bản, có công chứng và đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận trong hợp đồng

thể chấp thì trường hợp bị đơn không thanh toán nợ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu trường hợp đến hạn thanh toán nợ mà bị đơn không thanh toán thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà hai bên ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[7] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 anh Châu Đăng Kh, bà Lê Thị A phải chịu là 750.000 đồng và có trách nhiệm hoàn trả Vietbank, vì V đã tạm ứng trước.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 26; điểm b, c tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà A, anh Kh phải chịu là 30.267.057 đồng (đối với Hợp đồng tín dụng từng lần); bà A phải chịu là 5.458.251 đồng (đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). V phải chịu án phí là 9.234.139 đồng (đối với phần không được chấp nhận).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 325 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 157, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ: khoản 2, 4 Điều 26; điểm b, c tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T, cụ thể:

1.1 Buộc bà Lê Thị A và anh Châu Đăng Kh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số nợ gốc 363.993.918 đồng và lãi trong hạn 147.528.693 đồng; lãi quá hạn: 88.779.154 đồng, lãi phạt chậm trả 25.374.639 đồng (đối với hợp đồng tín dụng số CNST.CN.01190220 ngày 19/02/2020). Tổng cộng vốn và các khoản lãi 625.676.441 đồng.

1.2 Buộc bà Lê Thị A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T. số nợ gốc 79.471.129 đồng và lãi 29.693.897 đồng (đối với hợp đồng tín dụng số STR/20/003 ngày 21/02/2020). Tổng cộng vốn và lãi 109.165.026 đồng.

Kể từ ngày 16/5/2023, bà A, anh Kh chưa thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T thì hàng tháng bà A, anh Kh còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất theo như hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T về việc yêu cầu bà Lê Thị A, anh Châu Đăng Kh trả phí chậm trả đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của bà Lê Thị A là 184.682.794 đồng.

3. Đến hạn thanh toán nợ bà A, anh Kh không có khả năng thanh toán nợ (đối với hợp đồng tín dụng số CNST.CN.01190220 ngày 19/02/2020) thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 85, tờ bản đồ số 7 tọa lạc khóm 6, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 282470 số vào sổ cấp GCN: CH00294 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp ngày 02/12/2010 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Châu Đăng Kh và bà Lê Thị A.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng bà Lê Thị A, anh Châu Đăng Kh phải chịu và có trách nhiệm hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Lê Thị A, anh Châu Đăng Kh phải chịu là 30.267.057 đồng.

5.2. Bà Lê Thị A phải chịu là 5.458.251 đồng.

5.3. Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T phải chịu án phí là 9.234.139 đồng nhưng được trừ vào số tiền Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T đã nộp tạm ứng 14.600.000 đồng theo biên lai thu số 0000866 ngày 25/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền còn dư là 5.365.861 đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND -TST;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Thanh Bình